

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

ĐỖ THỊ HƯƠNG THẢO. *Thi Hương thời Nguyễn (qua các trường thi Hương Hà Nội, Nam Định và Hà Nam)*

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam cổ đại và trung đại

Mã số: 62 22 54 01

Giáo dục và khoa cử Việt Nam thời trung đại là phương thức tuyển lựa nhân sự, nhân tài cho bộ máy chính quyền. Khoa thi chính yếu và quan trọng là khoa thi Tiến sĩ, gồm 3 cấp thi Hương, Hội và Đình. Trong 3 cấp này, thi Hương là kỳ thi đầu tiên, tổ chức ở địa phương, chọn người có năng lực vào dự thi Hội, thi Đình. Cho đến nay, đa phần các nghiên cứu tập trung vào thi Hội, thi Đình và loại hình trường có chức năng đào tạo (Quốc Tử Giám, trường học cấp phủ, huyện, tổng) mà ít có nghiên cứu tìm hiểu các trường thi Hương. Ngoài ra, các nghiên cứu về trường thi Hương mới dừng lại ở quy mô các bài tập chí, bài tham luận hội thảo, một phần trong các cuốn sách... chứ chưa có một công trình chuyên khảo nào đi sâu vào vấn đề này. Việc nghiên cứu về thi Hương thời Nguyễn góp phần làm rõ thêm diện mạo bức tranh giáo dục khoa cử của các nước chịu ảnh hưởng mô hình giáo dục Hán học của Trung Hoa. Với những lý do đó, tác giả đã lựa chọn vấn đề “Thi Hương thời Nguyễn (qua các trường thi Hương Hà Nội, Nam Định và Hà Nam)” cho luận án của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm 4 chương.

Chương 1 đem đến một cái nhìn tổng quan về thi Hương thời Nguyễn.

Thời Nguyễn, cả nước có từ 6 đến 7 trường thi, gồm: Hà Nội, Nam Định, Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Bình Định và Gia Định. Từ sau cải cách hành chính của Minh Mệnh, nếu chia theo vùng, Bắc kỳ có 2 trường (Hà Nội và Nam Định), Trung kỳ có 4 trường (Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên, Bình Định), Nam kỳ có 1 trường (Gia Định). Khoa thi Hương đầu tiên được tổ chức năm 1807. So sánh các trường thi Hương trong cả nước ở thời Nguyễn, trường Nghệ An và Thanh Hóa tồn tại lâu nhất (111 năm), trường Nam Định 108 năm, trường Thừa Thiên (tính từ lịch sử trường Quảng Đức và Trực Lệ) 97 năm. Trường Hà Nội và Gia Định do chịu tác động mạnh mẽ của việc thực dân Pháp xâm lược Việt Nam nên đã sớm ngừng hoạt động khoa cử.

Từ thời Minh Mệnh, thi Hương tổ chức ổn định 3 năm 1 lần. Quy mô, cấu trúc trường thi Hương thời Nguyễn kế thừa cấu trúc trường thi có từ thời Lê. Từ năm 1843 trở đi, thời Thiệu Trị, các trường thi Hương bắt đầu xây dựng kiên cố khu vực làm việc của quan trường, xung quanh trường thi xây tường gạch. Đa phần các trường thi có cấu trúc giống nhau, gồm khu vực làm việc của quan trường (dựng nhà) và khu làm bài của thí sinh (để trống).

Để phục vụ hoạt động của trường thi, các trường được triều đình cung ứng nhân công để xây dựng, sửa chữa trường thi cùng với tiền, gạo và nhiều vật dụng khác (bút, mực, giấy, bảng...)

để quan trường và những nhân viên giúp việc trong trường thi có thể sống và làm việc trong khoảng thời gian hơn một tháng. Ở mỗi trường thi có khoảng trên dưới 50 quan trường làm việc. Họ là những người có trách nhiệm thay mặt triều đình tổ chức kỳ thi theo những quy định Nhà nước đề ra. Làm việc tại Nội trường quan có quan giám khảo, sơ khảo, phúc khảo; làm việc tại Ngoại trường quan có quan chánh, phó chủ khảo, phân khảo, đề điệu; làm việc tại cả Nội và Ngoại trường quan có quan giám sát, lại phòng, mật sát, thể sát... Mỗi vị quan trường có nhiệm vụ, chức năng riêng, đảm bảo hoạt động xuyên suốt, nhịp nhàng và có kỷ luật của toàn bộ trường thi. Trong thời gian làm việc tại trường thi, quan trường phải tuân theo quy định trường thi: không tiếp xúc với thí sinh, không tiếp xúc với nhau; không mang giấy mực vào trường thi, thận trọng khi chấm thi và thực hiện theo lệ hội tỵ mà nhà Nguyễn đặt ra.

Sĩ tử đi thi phải thực hiện các quy định về khai báo lý lịch, đóng quyền thi... trước khi dự thi. Những người có đại tang, bất hiếu, bất mục, loạn luân, điều toa, gian dâm và những người đang chịu án của triều đình không được dự thi. Trong khi thi, sĩ tử phải tuân theo nhiều quy định của trường thi như: không mang tài liệu vào trường thi, không liên hệ với người bên ngoài trường, không cố ý đóng lều sai chỗ...

Nội dung thi Hương thời Nguyễn gồm có: Kinh nghĩa (kỳ đệ nhất); Chế, chiếu, biểu (kỳ đệ nhị); Thơ, phú (kỳ đệ tam) và Văn sách (kỳ đệ tứ). Thời Gia Long, người đỗ tú trường được gọi là Hương cống, đỗ tam trường gọi là Sinh đồ, đây là những danh hiệu có từ thời Lê. Từ thời Minh Mệnh, Hương cống đổi thành Cử nhân, Sinh đồ đổi thành Tú tài.

Chương 2 làm rõ bức tranh về trường thi Hương Thăng Long - Hà Nội

Tên gọi trường thi Hương Thăng Long xuất hiện từ năm 1813. Năm 1824, trường thi Thăng Long đổi thành trường thi Bắc Thành. Sau khi tỉnh Hà Nội ra đời (năm 1831), trường Bắc Thành đổi thành trường thi Hương Hà Nội. Đây là nơi dự thi của các sĩ tử Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn. Năm 1879 là năm thi cuối cùng của trường thi Hương Hà Nội. Từ nửa cuối thế kỷ XIX trở đi, tình hình xã hội bất ổn, một số năm các khoa thi Hương ở trường Hà Nội không tổ chức được định kỳ như cũ, hoặc bị trì hoãn, hoặc sĩ tử phải thi ở các trường thi khác.

Trường Hà Nội thuộc địa phận thôn Bích Lưu, huyện Thọ Xương, ở phía Đông Nam thành Hà Nội. Trường thi nằm trên khu đất rộng, chu vi hơn 182 trượng, gồm 2 khu vực: khu vực làm việc của quan trường gồm 21 tòa nhà xây bằng gạch (từ năm 1845); khu vực làm bài của thí sinh không dựng mái che, sĩ tử tự mang lều chõng vào trường thi. Về cơ bản, vị trí của trường thi Hương Hà Nội không thay đổi trong lịch sử hình thành và phát triển.

Thời Nguyễn, định lệ thi Hương cho trường thi Hà Nội ban đầu vào tháng 9, sau chuyển sang tháng 10. Thời gian thi của trường thi Hà Nội kéo dài khoảng 1 tháng. Có khoảng 50 đến 70 quan trường làm việc trong thời gian diễn ra các kỳ thi, được tuyển chọn từ các quan làm việc trong triều đình và quan làm việc tại các địa phương, hàm nhị phẩm và tam phẩm. Quan trường chấm bài theo giải ngạch (chỉ tiêu) triều đình định ra từ năm 1841, theo sắc hiệu trên mặt quyền thi. Mặt quyền thi của sĩ tử

Hà Nội sắc hiệu đỏ; của sĩ tử Bắc Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên sắc hiệu đen; của sĩ tử Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang sắc hiệu tía. Việc quy định giải ngạch khiến cho sĩ tử trong khi thi không phải là cạnh tranh với toàn bộ số lượng thí sinh toàn trường mà chỉ cạnh tranh giữa các sĩ tử của cùng một vùng hoặc một nhóm vùng với nhau. Trong quá trình làm việc tại trường thi, những sai phạm trường quy của quan trường là không tránh khỏi. Chánh Chủ khảo là người chịu trách nhiệm cao nhất trong trường thi.

Trường thi Hà Nội vẫn theo các nội dung thi truyền thống, chưa có sự thay đổi về các môn thi bổ sung. Kỳ đệ nhất thi Kinh nghĩa, nhằm mục đích kiểm tra kiến thức của sĩ tử về cách giảng giải hay nghĩa lý của kinh điển Nho gia. Kỳ đệ nhị thi chế, chiếu, biểu, bài thi thường làm theo lối biên văn, tứ lục. Kỳ đệ tam thi thơ, phú, bài thi thơ sử dụng thơ Đường luật, lưu ý tới vần, đối, luật, niêm và cách bố cục. Kỳ đệ tứ thi văn sách, sĩ tử khi làm bài có thể viết chữ chân, chữ hành hoặc chữ thảo, nhưng cần lưu ý đến quy định về cách viết dài, viết chữ kiêng húy... trong bài thi.

Trong 66 năm tồn tại, trường thi Hương Hà Nội đã tổ chức 28 khoa thi, lấy đỗ 639 vị Cử nhân (trước đó gọi là Hương cống). Có những sĩ tử ở trường thi Hương Hà Nội đỗ Cử nhân ở độ tuổi rất trẻ (trẻ nhất là 13 tuổi). Chỉ có 24% các Cử nhân của trường thi Hà Nội tiếp tục thi Tiến sĩ, trong đó 44% đỗ ngay trong kỳ thi tiếp theo, 46,6% mất thêm từ 2 đến 9 năm tiếp tục học và thi lại, 8% mất hơn 10 năm trở lên. Trong một số trường hợp nhất định, sau khi đỗ Cử nhân vẫn có thể bị triều đình tước học vị.

Chương 3 là bức tranh về trường thi Hương Nam Định và Hà Nam

Trường thi Hương Nam Định là sự tiếp nối của trường thi trấn Sơn Nam thời Lê. Năm 1812, trường Sơn Nam thượng dời đến Sơn Nam hạ. Từ năm 1824, trường Sơn Nam hạ đổi thành trường thi Nam Định, là nơi thi chung của các sĩ tử Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương và Quảng Yên. Thời vua Đồng Khánh, năm 1886, hai trường Hà Nội và Nam Định hợp nhất thành trường Hà Nam, thay đổi tên gọi nhưng vẫn tổ chức thi tại Nam Định. Từ sau năm 1915, theo thỏa hiệp giữa Pháp và triều đình Huế về việc chấm dứt các khoa thi Hương truyền thống ở Bắc kỳ, trường Hà Nam không còn tồn tại nữa.

Trường thi Hương Nam Định thuộc địa phận làng Năng Tĩnh, tổng Mỹ Trọng, huyện Hậu Lộc, Nam Định, chu vi 214 trượng, xây dựng kiên cố năm 1845, cũng được chia thành hai khu vực cho quan trường và cho sĩ tử.

Vì là trường thi lớn ở đồng bằng Bắc bộ nên từ các quan phân khảo trở lên của trường Nam Định và Hà Nam là do bộ Lễ tuyển chọn viên chức trong Kinh; còn từ phúc khảo trở xuống được chọn từ các huân đạo, cử nhân hậu bổ và các quan viên ban văn nghĩ hưu từ Ninh Bình trở ra Bắc. Từ năm 1897 trở về sau, quan trường Hà Nam do phủ Thống sứ Bắc kỳ phái, riêng giám thí đôn đốc công việc trong trường là một viên quan người Pháp.

Cuối thời Nguyễn, hiện tượng quan trường Nam Định vi phạm trường quy ngày càng tăng, một phần do lượng sĩ tử quá lớn (do sáp nhập hai trường Hà Nội và Nam Định). Những tiêu cực này chính là cơ hội để người Pháp duy trì các yếu tố Pháp trong thành phần Hội đồng thi và

tiến hành can thiệp, thay đổi chương trình thi Hương truyền thống.

Năm 1898, Toàn quyền Paul Doumer ký quyết định thành lập hệ thống các bài thi bổ sung tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ trong kỳ thi Hương Hà Nam. Các nội dung thi gồm bài văn sách về văn chương, luân lý, địa dư và chính trị Đông Dương trong kỳ đệ nhất; bài luận chữ Hán trong kỳ đệ nhị; bài luận chữ Quốc ngữ trong kỳ đệ tam; bài luận chữ Hán và chữ Quốc ngữ trong kỳ Phúc hạch. Ngoài ra, sĩ tử có thể thi thêm bài tiếng Pháp. Các môn tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ thi ở dạng đề ngắn, đơn giản.

Trong vòng 108 năm, trường thi Nam Định và Hà Nam đã tổ chức 41 khoa thi, lấy đỗ 1.360 Cử nhân. Trong số các Cử nhân này có 96 người tiếp tục đỗ Tiến sĩ, Phó bảng. Trong số những người đỗ Tiến sĩ, 51% đỗ ngay năm thi Hội tiếp theo, 34,4% phải mất từ 2 đến 5 năm và 13,5% còn lại phải mất từ 6 đến 10 năm.

Chương 4 làm rõ một số đặc điểm riêng của thi Hương thời Nguyễn.

Từ năm 1841, Thiệu Trị bắt đầu đặt giải ngạch cho các trường thi Hương. Trong vòng 30 năm đầu thời Nguyễn, khi chưa có giải ngạch, trường Hà Nội và Nam Định là hai nơi có số Cử nhân cao nhất trong cả nước, cao hơn 3 trường ở miền Trung cộng lại và gấp 4 lần trường Gia Định. Sau 77 năm thực hiện giải ngạch, số người đỗ ở miền Trung tăng lên đáng kể. Việc đặt giải ngạch cùng với chính sách phụ thí (cấm chiêu đi vào Nam dự thi của các sĩ tử Bắc bộ nhưng mở chiêu đi ngược ra cho các sĩ tử Nam bộ) khiến sĩ tử Bắc bộ gặp khó khăn trong khoa cử: tỷ lệ cạnh tranh cao, thí sinh phải thi tại nguyên quán. Nhờ đó, nhà Nguyễn đã thay đổi

tương quan về số lượng đỗ Cử nhân của các vùng theo tinh thần của các vua Nguyễn: phương thức lập chính sách phải tùy theo địa phương mà định chế. 82% Cử nhân thời Nguyễn đã tham gia vào bộ máy chính quyền mà không nhất thiết phải có học vị tiến sĩ. Tính trong tương quan chung với cả nước, miền Bắc là nơi có truyền thống khoa cử mạnh mẽ nhưng chỉ có khoảng 37% Cử nhân được bổ nhiệm làm quan. Trong khi đó, đa phần quan chức thời Nguyễn có xuất thân từ miền Trung (56,75%). Cứ 3 năm một lần - vào các năm tổ chức thi Hương, khoảng 300 đến 400 lượt quan lại trong bộ máy hành chính được điều động tham gia vào các hoạt động ở các trường thi. Đó là chưa kể đến số lượng binh lính, nhân viên giúp việc... Việc đó đã tạo nên những xáo trộn nhất định trong việc vận hành bộ máy nhà nước ở cả trung ương và địa phương. Hoạt động này cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa khoa cử và bộ máy chính quyền.

Về cơ bản, khoa cử Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với khoa cử Trung Hoa, tuy nhiên trong quá trình tiếp thu mô hình giáo dục Trung Hoa, nhà Nguyễn đã có những điều chỉnh, thay đổi. Ở khía cạnh thi Hương, do điều kiện vật chất, kinh tế-xã hội có hạn, trường thi Hương Việt Nam có quy mô nhỏ hơn, cấu trúc đơn giản hơn. Số lượng kỳ thi hay việc đặt học vị cho người thi đỗ và việc bổ nhiệm cũng có sự khác biệt nhất định.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Quốc gia, họp tại Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 6/2014.

*LÊ HỮU
giới thiệu*